

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-PT

Ngày 23-3-2022

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA L**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiên

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia L.

-Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia L tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia L, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc T.a do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia Gr, tỉnh Gia L.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, S ngày 25 tháng 4 năm 1997 tại tỉnh ThA H; Nơi đăng ký NKTT: Làng O G, xã Ia P, huyện Ia G, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: học lớp 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, S năm 1968 và bà Lê Thị H.a, S năm 1971; vợ là Phạm Thị Thu T.b, S năm 1996, nghề nghiệp: làm nông và có 02 con, lớn S năm 2016, nhỏ S năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 14/7/2020 cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Gia L. Có mặt.

2. Phạm Ngọc T.a, S ngày 16 tháng 10 năm 1991 tại tỉnh Gia L; nơi đăng ký NKTT: tổ 6, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia L; chỗ ở trước khi phạm tội: làng B, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: học lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Th, S năm 1953 và bà Phạm Thị Ngọc S, S năm 1958; vợ là Võ Kim H; S năm 1992, nghề nghiệp: lao động tự do và có 01 con, S năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/7/2020 đến ngày ngày 07/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 04 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, cũng không bị kháng cáo, kháng nghị;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2020 S biết T.n làm nghề môi giới mua bán cây mai cảnh nên nảy S ý định trộm cắp cây mai bán lấy tiền tiêu xài. S liên lạc với T.n để T.n tìm người mua cây mai cảnh và T.n đồng ý. Sau khi trao đổi với T.n thì S đi tới rẫy cà phê của ông Hoàng Nghĩa Tr ở làng O P, xã Ia P, huyện Ia G và phát hiện 02 cây mai to được trồng trong chậu và có giá trị nên S đã chụp hình và gửi cho T.n xem. Hai cây mai này là của ông Lê Quang H ở thành phố Pleiku, tỉnh Gia L, gửi nhờ ông Tr. T.n liên hệ với ông Ngô Quốc Thb ở ấp Bầu C xã An L, huyện Phú G, tỉnh Bình D và cho ông Thb xem hình 02 cây mai, ông Thb đồng ý mua với giá 100.000.000đ và đưa trước cho T.n 22.000.000đ để T.n lên Gia L vận chuyển cây mai về Bình D. Sau đó T.n đi từ tỉnh Bình D lên Gia L xem cây mai, lúc này S mới nói thật cho T.n biết là 02 cây mai mà S chụp hình gửi cho T.n không phải của S mà là của người khác, muốn có phải trộm. T.n nói S làm sao thì làm vì T.n đã ứng tiền trước của người mua, sau đó T.n đi về Bình D. Ngày 06/5/2020 T.n lại lên Gia L, lúc này T.n, S và Nguyễn Văn T có gặp nhau tại tiệm sửa xe của Nguyễn Xuân A tại làng O G, xã Ia P. Tại đây T.n và S thống nhất là sẽ trộm cắp 02 cây mai trên và rủ Th cùng tham gia. Khoảng 15 giờ ngày 09/5/2020 S và Th cùng đi đến vườn nhà ông Tr thì thấy không có người nên S ở lại cA chừng còn Th đi về tìm xe để vận chuyển hai cây mai nhưng không tìm xe được. Khi quay lại T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ(là A của Th) để nhờ Đ tìm xe tải chở hai cây mai trộm cắp. Lúc này Đ đang cùng với Phạm Ngọc T.a ngồi trên xe tải biển kiểm soát 81C-122.11 của T.a đi chở củi. Sau khi nghe điện thoại của T.thì Đ nói với T.đi chở giúp cây mai, T.a nói nếu chở củi xong sớm thì sẽ vào chở giúp không thì thôi. Lúc này tại rẫy ông Tr, sau khi xem xét hai cây mai xong, S nói với T là đi tìm thêm người để phụ giúp để đưa hai cây mai lên xe chứ S và T không thực hiện được. T.về rủ Nguyễn Xuân A cùng tham gia giúp sức và A đồng ý cùng đi trộm cây mai. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì Đ theo sự hướng dẫn của S và cùng với T.a điều khiển xe ô tô tải của T.avào rẫy ông Tr (lúc này T.đã đi về gọi Nguyễn Xuân A nên không có mặt). Do đường vào rẫy khó đi nên Đ xuống xe hướng dẫn T.điều khiển xe vào đi vào. Khi vào đến rẫy ông Tr thì T.avẫn ngồi trên xe, còn Đ đi đến nói chuyện với S và lúc đó Đ mới biết hai cây mai trên là do nhóm của S đang trộm cắp nhưng không nói cho T.abiết. Sau đó Đ và S thống nhất cột sợi dây thùng từ đuôi xe ô tô của T.avào gốc cây mai rồi ra hiệu cho T.akéo cho cây mai rời khỏi chậu, nhưng khi T.anỗ máy xe kéo thì dây bị đứt. Lúc này T.anghi ngờ nhóm của S đang trộm cắp cây mai nên không kéo nữa mà lái xe về.

Khi T.alái xe về thì Tvà A cùng tới, lúc này tại rẫy ông Tr gồm có S, Đ, Tvà A. S chỉ đạo cả bọn dùng cuốc chim, xà beng, dao, cưa lấy từ kho rẫy của ông Tr đập bể hai chậu mai, sau đó bơm nước vào gốc cây mai cho trôi đất, dùng cưa, dao cắt tỉa các cành cây mai nhằm mục đích dễ vận chuyển. Sau đó cả bọn dùng xe của T.a(lấy tại vườn nhà ông Tr) vận chuyển 02 cây mai đi cất giấu tại lô cao su gần

đó. Lúc này khoảng 23 giờ, Đ điện thoại cho T.à đến chở cây mai nhưng T. không đồng ý, nên Đ đi về nhà ở làng O G, xã Ia P lấy xe ô tô tải biển kiểm soát 43H-0521 của ông Nguyễn Xuân H (bố Đ) đến chở 02 cây mai trên đến vườn trà thuộc làng O G, xã Ia P để cất giấu, xong Đ, A đi về. Khoảng 05 giờ ngày 10/5/2020 S liên lạc với T.n báo cho T.n biết là đã trộm xong hai cây mai, T.n nhờ A Đặng Văn Chiến ở thôn 6, xã Ia Tô, huyện Ia Gr chở tới. T.n thấy 02 cây mai không có bầu đất, nếu để vậy sẽ chết nên T.n nhờ A Chiến mượn xe để T.n đưa 02 cây mai trên đi đóng bầu. A Chiến mượn xe công nông của chị Phạm Thị Lan ở thôn 6, xã Ia T và chở giúp T.n 02 cây mai đến lô cao su cách đó khoảng 500 mét để T.n tạo bầu cho cây.

Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 10/5/2020 thì T.n nói với Đ tìm xe chở hai cây mai đi Bình D tiêu thụ. Đ dùng điện thoại gọi điện cho T. nói “Bây giờ có người thuê bạn chở hai cây mai đi Bình D có đồng ý không”, sau đó Đ đưa điện thoại cho T.n thỏa thuận với T. giá chở hai cây mai đi tỉnh Bình D là 8.000.000 đồng thì T. đồng ý chở đi. Khoảng 10 giờ cùng ngày thì T. và Đ chở 02 cây mai đi trước bằng xe ô tô tải của Tiến. Lúc này S điện thoại cho A Ph A T.n là lái xe chạy dịch vụ để thuê chở S, T.n, T. đến tỉnh Bình Dương, T.n đồng ý chở với giá 6.000.000 đồng. Khi tất cả cùng đến huyện Phú Gi, tỉnh Bình D thì Đặng Văn T.n liên hệ với ông Thành đến để coi cây mai và ông Thành đồng ý mua với giá 110.000.000 đồng.

Sau khi bán hai cây mai được 110.000.000 đồng, S là người cầm tiền và chia cho T.n 17.000.000 đồng; trả tiền thuê xe taxi cho A Ph A T.n 6.000.000 đồng; đưa cho Th hai lần tổng cộng là 46.000.000 đồng để T. chia cho Đ 10.000.000 đồng, trả tiền thuê xe cho T. 8.000.000 đồng và cho thêm T. 2.000.000 đồng, chia cho A 5.000.000 đồng, còn lại T. giữ 21.000.000 đồng; sau khi trừ chi phí đi đường số tiền còn lại là 33.000.000 đồng do S giữ tiêu xài cá nhân.

- Tại kết luận số 23 ngày 21/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ia Gr, kết luận giá trị các tài sản vào ngày 09/5/2020 là:

+ 01 cây mai vàng 05 cánh, hình dạng 01 thân, gốc mai có chu vi 81cm có giá 76.000.000 đồng.

+ 01 cây mai vàng 05 cánh, hình dạng 02 thân, 01 thân có chu vi 65cm, 01 thân có chu vi 62 cm có giá 185.000.000 đồng.

+ 01 chậu hoa, loại đá mài, hình lục giác, có kích thước cao 100cm, đường kính 195 cm có giá 2.400.000 đồng.

+ 01 chậu hoa, loại bê tông, hình tròn có kích thước cao 100cm, đường kính 155 cm có giá 1.100.000 đồng

Tổng cộng là 264.500.000 đồng.

Sau khi vụ án được phát hiện, bị cáo Đặng Văn T.n nộp lại 17.000.000 đồng, bị cáo Phạm Ngọc T.a nộp lại 6.700.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân A được mẹ là bà Phạm Thị Ê nộp lại 5.000.000 đồng.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 42/2021/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia Gr, tỉnh Gia L đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Phạm Ngọc T.a phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T.a 30 (ba mươi) tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2020 đến ngày 07/8/2020. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, trả lại tài sản và bồi thường thiệt hại, quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của bị cáo

Ngày 15/11/2021 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/11/2021 bị cáo Phạm Ngọc T.a kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T cung cấp Biên lai thu tiền số 0005892 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Gr, tỉnh Gia L để bồi thường và đóng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Ngọc T.a cung cấp Biên lai thu tiền số 0005959 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Gr, tỉnh Gia L để bồi thường và đóng án phí hình sự sơ thẩm, đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn.

Bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Phạm Ngọc T.a rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Trong phần trA luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, xét cho bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm 06 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc T.a.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Ngọc T.a. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T.a.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử khoan hồng, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Ngọc T.a: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử khoan hồng, xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Chiều tối ngày 09/5/2020 tại rẫy ông Hoàng Nghĩa Tr thuộc làng O P, xã Ia P, huyện Ia Gr, tỉnh Gia L. Các bị cáo Đặng Văn T.n, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân A đã lợi dụng sự mất cảnh giác của ông Tr để lén lút chiếm đoạt hai cây mai của ông Lê Quang H trị giá 264.500.000 đồng.

Bị cáo Phạm Ngọc T.a biết rõ hai cây mai là tài sản do Nguyễn Khắc S và đồng phạm trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý vận chuyển đi tiêu thụ đến huyện Phú Gi, tỉnh Bình D để lấy tiền công. Bị cáo T.và các bị cáo khác bán hai cây mai được 110.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn T được chia số tiền 21.000.000 đồng, bị cáo T.a được trả tiền công chở là 8.000.000 đồng và được cho bồi dưỡng thêm 2.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam muốn hưởng lợi bất chính từ tài sản của người khác nên đã cố ý phạm tội. Bị cáo Nguyễn Văn T đã cùng với các bị cáo khác lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại trị giá 264.500.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Phạm Ngọc T.a là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bị cáo giúp sức tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trị giá 261.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”. Do vậy hành vi của Phạm Ngọc T.a đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ia Gr, tỉnh Gia L xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Ngọc T.a về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là rất nguy hiểm cho xã hội cần phải xử phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng là để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân

tốt, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, tại phiên tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp biên lai đóng tiền án phí và bồi thường khắc phục hậu quả với số tiền 25.925.000 đồng vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho thấy bị cáo thực sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc T.a rút một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc T.a và xét kháng cáo còn lại là xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã nộp lại tiền để khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có cha là người có công với cách mạng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp biên lai đóng tiền án phí và khắc phục hậu quả với số tiền 3.800.000 đồng, đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn cho thấy bị cáo thật sự ăn năn hối cải. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy Tr hợp của bị cáo T.athỏa mãn đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về điều kiện cho người bị kết án tù được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Vì chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 342; Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc T.a.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số 42/2021/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia Gr, tỉnh Gia L về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2020.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Ngọc T.a. Sửa bản án sơ thẩm số 42/2021/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia Gr, tỉnh Gia L về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T.a:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T.a 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo Phạm Ngọc T.a là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày 23 tháng 3 năm 2022.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T.a cho Ủy ban nhân dân phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Ngọc T.a có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Ngọc T.a.

Tr hợp bị cáo Phạm Ngọc T.a thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phạm Ngọc T.a cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phạm Ngọc T.a phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Tr hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Phạm Ngọc T.a phải chấp hành hình phạt của này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc T.a không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia L;
- TAND huyện Ia Gr;
- Chi cục THADS huyện Ia Gr;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia L
- Công an huyện Ia Gr;
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hiên

